

嶺東科技大學學生校外實習申請暨計畫書

ĐƠN ĐĂNG KÝ VÀ KẾ HOẠCH THỰC TẬP NGOÀI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT LĨNH ĐÔNG

壹、基本資料(學生填寫)

填表日期 年 月 日

I.Thông tin cơ bản (Sinh viên điền)

Ngày điền đơn Ngày tháng năm

實習機構 Đơn vị thực tập		實習學生 Sinh viên thực tập		輔導師資 Giáo viên hướng dẫn		簽約期限 Thời gian ký kết hợp đồng
機構名稱 Tên đơn vị/cơ sở thực tập	部門名稱 Bộ phận thực tập	姓名 Tên sinh viên	系別/年級 Ngành/năm học	學校 輔導老師 Giáo viên hướng dẫn của trường	機構 輔導教師 Giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập	
						/ / ~ / /

※實習機構如為學生自行提供，則須經系(所)學生校外實習委員會提案通過

※Nếu đơn vị thực tập do sinh viên tự tìm kiếm hoặc đề xuất, bắt buộc phải thông qua Ủy ban Sự vụ thực tập ngoài trường của Khoa (Viện).

貳、實習學習內容

II.Nội dung học tập thực tập

實習期間 Thời gian thực tập	年 月 日至 年 月 日止 Từ ngày tháng năm tới ngày tháng năm	實習時數 Số giờ thực tập	小時 tiếng
課程類型 Loại hình khóa học	<input type="checkbox"/> 寒暑期型 Kỳ nghỉ đông/hè <input type="checkbox"/> 學期型 Học kỳ <input type="checkbox"/> 學年型 Năm học <input type="checkbox"/> 學期間 Trong học kỳ		
計畫類型 Loại hình kế hoạch	<input type="checkbox"/> 就業學程 Hướng nghiệp <input type="checkbox"/> 產業學院 Học viện công nghiệp <input type="checkbox"/> 產學攜手 Hợp tác Doanh nghiệp-Nhà trường <input type="checkbox"/> 中科人培 Đào tạo nhân lực <input type="checkbox"/> 學海系列 Chương trình học hải <input type="checkbox"/> 僑外專班 Lớp Chuyên ban sinh viên nước ngoài (sinh viên Hoa Kiều) <input type="checkbox"/> 無 Không		
實習課程目標與 實習內容 Mục tiêu và nội dung khóa học thực tập	<p>(依系科課程發展結果及系科專業領域性質，撰寫開設實習課程之目標) (Viết mục tiêu của khóa học thực tập dựa trên kết quả phát triển chương trình và tính chất chuyên môn của Khoa/Ngành.)</p> <p>透過在產業界的實務學習，培育下列專業人才的實務能力： Thông qua việc học tập thực tiễn tại doanh nghiệp, khóa học nhằm bồi dưỡng năng lực thực hành cho các chuyên gia sau:</p> <input type="checkbox"/> 行銷企劃人員 NV lập kế hoạch tiếp thị <input type="checkbox"/> 廣告企劃人員 NV lập kế hoạch quảng cáo <input type="checkbox"/> 社群管理人員 NV quản lý mạng XH <input type="checkbox"/> 廣告傳播人員 NV truyền thông quảng cáo <input type="checkbox"/> 手工藝工作人員 NV thủ công mỹ nghệ <input type="checkbox"/> 服務設計人員 NV thiết kế dịch vụ <input type="checkbox"/> 電子商務人員 NV thương mại điện tử <input type="checkbox"/> 活動企劃人員 NV lập kế hoạch tổ chức hoạt động <input type="checkbox"/> 網頁製作人員 NV thiết kế web		

- 產品設計人員 NV thiết kế sản phẩm
- APP 設計人員 NV thiết kế APP
- 商業設計人員 NV thiết kế thương mại
- 業務人員 NV kinh doanh
- 門市人員 NV cửa hàng
- 市調人員 NV nghiên cứu Thị trường
- 紡織品 Dệt may
- 客服人員 NV CSKH
- 零售與通路管理人員 NV quản lý bán lẻ và phân phối
- 採購人員 NV thu mua
- 物流管理人員 NV quản lý hậu cần
- 繪圖員 Họa viên
- 美容師 Chuyên viên làm đẹp
- 倉儲管理人員 NV quản lý kho
- 貨運承攬人員 NV vận tải hàng hóa
- 報關人員 NV khai báo hải quan
- 國貿人員 NV thương mại quốc tế
- 會展人員 NV tổ chức sự kiện
- 時尚顧問 Chuyên gia tư vấn thời trang
- 行政/總務人員 NV hành chính/tổng vụ
- 人力資源/人事人員 NV quản lý nguồn nhân lực /nhân sự
- 品質管理人員 NV quản lý chất lượng
- 銀行服務人員 NV dịch vụ ngân hàng
- 芳療師 Chuyên gia trị liệu
- 證券業務員 NV kinh doanh chứng khoán
- 不動產業務人員 NV kinh doanh bất động sản
- 保險業務人員 NV kinh doanh bảo hiểm
- 理財投資人員 NV tư vấn đầu tư /quản lý tài chính
- 新娘造型師 Chuyên gia trang điểm cô dâu
- 餐飲管理人員 NV quản lý dịch vụ ăn uống
- 旅遊管理人員 NV quản lý dịch vụ du lịch lữ hành
- 飯店旅館人員 NV khách sạn
- 休閒遊憩管理人員 NV quản lý vui chơi giải trí
- 髮型設計師 Chuyên gia tạo mẫu tóc
- 幼教人員 NV giáo dục mầm non
- 旅運管理人員 NV quản lý vận tải lữ hành
- 公私立幼兒園教保員 Giáo viên mầm non
- 成衣及有關工作人員 NV may mặc
- 彩妝師 Chuyên gia trang điểm
- 兒童課後照顧服務人員 NV dịch vụ chăm sóc trẻ sau giờ học
- 嬰幼兒托育人員 NV trông trẻ
- 科學及工程助理專業人員 Trợ lý chuyên môn KH-KT
- 禮服秘書 Thư ký trang phục
- 資訊及通訊專業人員 Chuyên gia công nghệ thông tin
- 技術員及助理專業人員 Kỹ thuật viên /trợ lý chuyên môn
- 資訊及通訊傳播技術員 Kỹ thuật viên công nghệ thông tin và truyền thông
- 電信及傳播技術員 Kỹ thuật viên truyền thông viễn thông
- 資訊及通訊技術員 Kỹ thuật viên công nghệ thông tin
- 電信工程技術員 Kỹ thuật viên viễn thông
- 網路技術員 Kỹ thuật viên mạng
- 智慧製造工程人員 Kỹ sư chế tạo thông minh
- 自動化工程人員 Kỹ sư tự động hóa
- 機器人工程人員 Kỹ sư robot

	<input type="checkbox"/> 整體造型師 Chuyên gia tạo mẫu <input type="checkbox"/> 機電整合工程人員 Kỹ sư tích hợp cơ điện tử <input type="checkbox"/> 服裝設計師 Nhà thiết kế thời trang <input type="checkbox"/> 其他技藝有關工作人員 NV kỹ thuật <input type="checkbox"/> 流行預測師 Chuyên gia dự đoán xu hướng thời trang <input type="checkbox"/> 毛皮及皮革製品機械操作人員 NV vận hành máy móc sản xuất các sản phẩm từ lông thú và da <input type="checkbox"/> 其他 Khác _____
系所核心能力與實習內容關聯 Mọi liên hệ giữa năng lực cốt lõi của Khoa/Viện với nội dung thực tập	填寫系「核心能力權重」，資料來源為各系實習課綱 Điền vào "Trọng tâm năng lực cốt lõi" của Khoa/Viện, dữ liệu lấy từ Đề cương Khóa học thực tập của từng Khoa.

參、實習內容課程規劃(教師與學生討論後填寫)

III. Kế hoạch và nội dung chương trình thực tập (Giáo viên và sinh viên thảo luận rồi điền)

預定執行階段 Giai đoạn dự kiến thực hiện	實習課程內涵(主題) Nội dung khóa học thực tập (Chủ đề)	實習內容具體規劃 Kế hoạch cụ thể về nội dung thực tập	對應核心能力(編號) Năng lực cốt lõi tương ứng (Số hiệu)
第一階段預定_____週完成 Giai đoạn 1 dự kiến __tuần hoàn thành			
第二階段預定_____週完成 Giai đoạn 2 dự kiến __tuần hoàn thành			
第三階段預定_____週完成 Giai đoạn 3 dự kiến __tuần hoàn thành			
第四階段預定_____週完成 Giai đoạn 4 dự kiến __tuần hoàn thành			

肆、實習資源投入及輔導(學校輔導教師與實習機構討論後填寫)

IV. Nguồn lực thực tập được đầu tư và hỗ trợ (Giáo viên hướng dẫn của trường và đơn vị thực tập thảo luận rồi điền)

<p>實習機構 提供實習指導與資源說明 Đơn vị thực tập mô tả việc cung cấp tài nguyên và nguồn lực thực tập</p>	<p>(說明實習機構提供實習學生的整體培訓規劃及相關資源與設備投入情形) (Mô tả kế hoạch đào tạo tổng thể và tình hình đầu tư nguồn lực/thiết bị mà đơn vị thực tập cung cấp cho sinh viên thực tập)</p> <p>●實習機構提供實習學生的整體培訓規劃 Kế hoạch đào tạo tổng thể mà đơn vị thực tập cung cấp cho sinh viên thực tập</p> <p>◎實務基礎訓練 Huấn luyện kỹ năng cơ bản：</p> <p><input type="checkbox"/>企業文化 Văn hóa doanh nghiệp <input type="checkbox"/>企業知識 Kiến thức về doanh nghiệp <input type="checkbox"/>工業安全 An toàn lao động</p> <p>◎實務主題訓練 Huấn luyện chuyên đề thực tiễn：</p> <p><input type="checkbox"/>產品/服務知識探討 Thảo luận kiến thức về sản phẩm/dịch vụ <input type="checkbox"/>學習內容溝通 Trao đổi về nội dung học tập <input type="checkbox"/>技術問題釐清 Làm rõ vấn đề kỹ thuật <input type="checkbox"/>實務技術問題排除 Khắc phục sự cố kỹ thuật thực tế <input type="checkbox"/>實務技術支援 Hỗ trợ kỹ thuật thực tiễn <input type="checkbox"/>實務案例分享 Chia sẻ các tình huống thực tế <input type="checkbox"/>實務問題分析 Phân tích vấn đề thực tế <input type="checkbox"/>品質管理 Quản lý chất lượng <input type="checkbox"/>流程改善 Cải tiến quy trình <input type="checkbox"/>庶務管理 Quản lý hành chính (tổng vụ) <input type="checkbox"/>技術指導 Hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>●實習機構提供資源與設備投入情形 Tình hình đầu tư nguồn lực và thiết bị của cơ sở thực tập</p> <p><input type="checkbox"/>專人指導 Người chuyên trách hướng dẫn <input type="checkbox"/>教育培訓 Đào tạo giáo dục <input type="checkbox"/>培訓教材 Tài liệu đào tạo <input type="checkbox"/>資訊設備 Thiết bị công nghệ thông tin <input type="checkbox"/>儀器機台 Máy móc thiết bị <input type="checkbox"/>實作場域 Khu vực thực hành <input type="checkbox"/>實驗設備 Thiết bị thí nghiệm <input type="checkbox"/>耗材配件 Vật tư tiêu hao <input type="checkbox"/>獎勵制度 Chế độ khen thưởng/kỷ luật</p>
<p>機構輔導教師 進行實習輔導形式及規劃 Giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực tập thực hiện hình thức và kế hoạch hỗ trợ /hướng dẫn thực tập</p>	<p>(說明機構輔導教師提供實習學生的指導與輔助方式) (Mô tả phương thức hướng dẫn và hỗ trợ mà Giáo viên hướng dẫn tại doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên thực tập)</p> <p>●機構輔導教師提供的指導內容：</p> <p>Nội dung hướng dẫn do giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập cung cấp：</p> <p><input type="checkbox"/>流程解說 Giải thích quy trình <input type="checkbox"/>設備操作 Vận hành thiết bị <input type="checkbox"/>標準程序 Quy trình chuẩn (SOP) <input type="checkbox"/>檢驗標準 Tiêu chuẩn kiểm nghiệm <input type="checkbox"/>檢測操作 Thao tác kiểm tra/đo lường <input type="checkbox"/>文件撰寫 Soạn thảo tài liệu <input type="checkbox"/>實務演練 Thực hành thực tiễn <input type="checkbox"/>錯誤處理 Xử lý sai sót <input type="checkbox"/>安全規範 Quy tắc an toàn <input type="checkbox"/>軟體操作 Vận hành phần mềm <input type="checkbox"/>資訊管理 Quản lý thông tin <input type="checkbox"/>採購備料 Thu mua và dự trữ vật tư <input type="checkbox"/>存貨管理 Quản lý hàng tồn kho <input type="checkbox"/>客戶管理 Quản lý khách hàng <input type="checkbox"/>報表製作 Lập báo cáo <input type="checkbox"/>報表分析 Phân tích báo cáo</p>

	<input type="checkbox"/> 財務報表 Báo cáo tài chính <input type="checkbox"/> 經營管理 Quản trị kinh doanh <input type="checkbox"/> 時間管理 Quản lý thời gian <input type="checkbox"/> 溝通技巧 Kỹ năng giao tiếp <input type="checkbox"/> 人事管理 Quản lý nhân sự <input type="checkbox"/> 品質管理 Quản lý chất lượng <input type="checkbox"/> 流程管理 Quản lý quy trình <input type="checkbox"/> 問題分析 Phân tích vấn đề <input type="checkbox"/> 管理工具 Công cụ quản lý <input type="checkbox"/> 創新提案 Đề xuất sáng tạo <input checked="" type="checkbox"/> 機構輔導教師提供的輔導模式： Phương thức hướng dẫn do giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập cung cấp <input type="checkbox"/> 口述解說 Giải thích bằng lời nói <input type="checkbox"/> 操作示範 Thao tác minh họa <input type="checkbox"/> 案例研討 Nghiên cứu/thảo luận tình huống
學校輔導教師 進行輔導及訪視之具體規劃 Giáo viên hướng dẫn của trường thực hiện kế hoạch hỗ trợ và thăm hỏi tại nơi thực tập	(說明學校輔導教師進行輔導工作或實地訪視作業方式) (Mô tả phương thức giáo viên hướng dẫn nhà trường thực hiện công tác hỗ trợ và kiểm tra thực địa) <input checked="" type="checkbox"/> 學校輔導教師提供輔導內容： Nội dung hỗ trợ do giáo viên trường cung cấp: <input type="checkbox"/> 產業趨勢 Xu hướng ngành nghề <input type="checkbox"/> 專業知識指導 Hướng dẫn kiến thức chuyên môn <input type="checkbox"/> 人際溝通與表達技巧 Kỹ năng giao tiếp và diễn đạt <input type="checkbox"/> 職涯發展 Phát triển nghề nghiệp <input type="checkbox"/> 學習輔導 Hỗ trợ học tập <input type="checkbox"/> 不適應輔導 Hỗ trợ khi không thích nghi gặp khó khăn <input checked="" type="checkbox"/> 學校輔導教師實地訪視作業： Hoạt động thăm hỏi thực địa của giáo viên nhà trường: <input type="checkbox"/> 實習前輔導 Hỗ trợ trước thực tập <input type="checkbox"/> 第一個月實地訪視 Thăm hỏi thực địa trong tháng đầu tiên <input type="checkbox"/> 每階段(三個月)之實地訪視 Thăm hỏi thực địa mỗi giai đoạn (ba tháng) <input type="checkbox"/> 實習異常輔導訪視 Thăm hỏi hỗ trợ khi có vấn đề bất thường <input type="checkbox"/> 每月聯繫表 Báo cáo liên hệ hàng tháng <input type="checkbox"/> 電話聯繫 Liên hệ qua điện thoại <input type="checkbox"/> 網路社群軟體 Liên hệ qua phần mềm mạng xã hội <input type="checkbox"/> 視訊聯繫 Liên hệ qua Video Call <input type="checkbox"/> 電子郵件聯繫 Liên hệ qua Email

伍、學校輔導教師(教師填寫)

V. Giáo viên hướng dẫn của trường (giáo viên điền)

姓名 Tên sinh viên		行動電話 Số điện thoại	
實習媒合 Liên kết thực tập	<input type="checkbox"/> 實習說明會 Giới thiệu thực tập <input type="checkbox"/> 系所媒合 Khoa/Viện kết nối <input type="checkbox"/> 其他 Khác	<input type="checkbox"/> _____ 教師媒合 Giáo viên kết nối <input type="checkbox"/> 仲介公司媒合 Công ty môi giới kết nối	

※實習期間未經系所主管及實習單位主管核可，不得擅自更換實習單位，違反相關規定者該實習課程以零分計，情節重大者另依校規處置之。

Trong thời gian thực tập, nếu chưa được sự chấp thuận của Trưởng đơn vị quản lý Khoa/Viện và Trưởng đơn vị thực tập, sinh viên không được tự ý thay đổi cơ sở thực tập. Người vi phạm các quy định liên quan sẽ bị tính 0 điểm cho môn học thực tập này. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo quy định của nhà trường.

※本申請暨計畫書由實習暨證照培訓中心存查，影本經本中心核章後交由系辦公室留存

Bản đơn đăng ký và kế hoạch thực tập này sẽ được lưu trữ tại Trung tâm Đào tạo Thực tập .Bản sao (có đóng dấu xác nhận của trung tâm) sẽ được gửi lại cho Văn phòng Khoa/Viện để lưu giữ.

陸、實習說明及注意事項

VI.Giới thiệu về thực tập và các lưu ý liên quan

一、實習說明會及訪視 **Buổi thuyết minh giới thiệu về thực tập và thăm địa**

<p>實習說明會 Thuyết minh giới thiệu thực tập</p>	<p>1. 學生於出發實習前由本系安排行前說明會，內容包含學生實習作業及實習成績評定標準說明，以及工作場所性騷擾防治宣導。</p> <p>Trước khi bắt đầu thực tập, Khoa sẽ tổ chức buổi thuyết minh hướng dẫn trước khi khởi hành. Nội dung bao gồm giải thích về các nhiệm vụ thực tập, tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực tập của sinh viên, và tuyên truyền phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.</p> <p>*學生於出發實習前由本系安排行前說明會，內容包含學生實習作業及實習成績評定標準說明，以及工作場所性騷擾防治宣導；於實習報到後由實習機構安排職前教育訓練，內容包含實習單位的情況與實習的工作性質。</p> <p>Trước khi bắt đầu thực tập, Khoa sẽ tổ chức buổi thuyết minh hướng dẫn trước khi khởi hành. Nội dung bao gồm giải thích về các nhiệm vụ thực tập, tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực tập của sinh viên, và tuyên truyền phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.</p> <p>Sau khi sinh viên báo danh tại cơ sở thực tập, cơ sở thực tập sẽ sắp xếp khóa huấn luyện giáo dục trước khi vào việc. Nội dung bao gồm tình hình chung của đơn vị thực tập và tính chất công việc thực tập.</p> <p>2. 於實習報到後由實習機構安排職前教育訓練，內容包含實習單位的情況與實習的工作性質。</p> <p>Sau khi sinh viên báo danh tại cơ sở thực tập, cơ sở thực tập sẽ sắp xếp khóa huấn luyện giáo dục trước khi vào việc. Nội dung bao gồm tình hình chung của đơn vị thực tập và tính chất công việc thực tập.</p>
<p>教師輔導 訪視規劃 Hướng dẫn của giáo viên và kế hoạch thăm hỏi nơi thực tập</p>	<p>1. 學期課程：每學期輔導至少二次、實地訪視至少一次。</p> <p>Khóa học học kỳ: Hướng dẫn ít nhất 2 lần mỗi học kỳ, Thăm hỏi thực địa ít nhất 1 lần.</p> <p>2. 學年課程：每學期輔導至少三次、實地訪視至少一次。</p> <p>Khóa học năm học: Hướng dẫn ít nhất 3 lần mỗi học kỳ, Thăm hỏi thực địa ít nhất 1 lần.</p> <p>3. 職場體驗課程、暑期課程與其他實習課程至少訪視一次。</p> <p>Khóa học trải nghiệm nơi làm việc, khóa học kỳ hè và các khóa thực tập khác: thăm hỏi ít nhất một 1 lần.</p> <p>4. 境外實習課程：每學期訪視至少一次（可採通訊聯繫訪視）。</p> <p>Khóa học thực tập nước ngoài: Thăm hỏi ít nhất 1 lần mỗi học kỳ (Có thể thực hiện bằng cách liên hệ qua kênh truyền thông/trực tuyến).</p> <p>※輔導教師得視實際情況調整輔導與訪視次數。</p> <p>Lưu ý: Giáo viên hướng dẫn có thể điều chỉnh số lần hướng dẫn và thăm hỏi tùy theo tình hình thực tế.</p>

業界專家輔導 實習課程規劃 Hướng dẫn của chuyên gia doanh nghiệp và kế hoạch khóa thực tập	每學期邀請業界專家、實習機構代表、訪視輔導教師代表召開實習檢討會議。 Mỗi học kỳ, sẽ mời các chuyên gia trong ngành, đại diện cơ sở thực tập, và đại diện giáo viên hướng dẫn (thăm hỏi) đến tham dự và tổ chức cuộc họp kiểm điểm thực tập.
---	--

二、實習成效考核與回饋 Đánh giá kết quả thực tập và phản hồi

	實習機構評核指標 Chỉ số đánh giá của cơ sở thực tập	輔導教師評核指標 Chỉ số đánh giá của giáo viên
實習成效 評核指標 Chỉ số đánh giá kết quả thực tập	1. 工作態度 (敬業精神) Thái độ làm việc (tinh thần chuyên nghiệp) 2. 專業知識與技術 Kiến thức và kỹ năng chuyên môn 3. 團隊合作 Tinh thần hợp tác nhóm 4. 學習意願與可塑性 Ý chí học hỏi và khả năng thích ứng 5. 穩定度及抗壓性 6. Tính ổn định và khả năng chịu áp lực	1. 學習成果與效益 Hiệu quả và kết quả học tập 2. 平時連繫互動與訪視配合度 Tương tác liên lạc thường xuyên và mức độ hợp tác trong việc thăm hỏi 3. 實習報告品質 Chất lượng báo cáo thực tập 4. 實習留任意願 Mong muốn tiếp tục ở lại làm việc sau thực tập 5. 實習機構對實習學生考核 Kết quả đánh giá sinh viên từ đơn vị thực tập
教學評核方式 Phương thức đánh giá giảng dạy	由實習輔導教師參酌實習機構對學生評核結果及輔導教師評核指標，綜合評定學生各階段學習成效，給予校外實習課程分數。 Giáo viên hướng dẫn thực tập nhà trường sẽ tham khảo kết quả đánh giá của đơn vị thực tập đối với sinh viên và các chỉ số đánh giá của giáo viên hướng dẫn để đánh giá tổng hợp kết quả học tập của sinh viên qua từng giai đoạn, từ đó cho điểm môn học thực tập ngoài trường.	
實習回饋 方式及規劃 Phương thức và kế hoạch phản hồi thực tập	1. 實習學生對實習課程滿意度問卷 Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với chương trình thực tập 2. 實習機構對實習學生滿意度問卷 Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị thực tập đối với sinh viên 3. 實習機構對實習課程滿意度問卷 Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị thực tập đối với chương trình thực tập	
實習學生 Tên sinh viên thực tập	(簽章) Ký tên đóng dấu	
學校輔導教師 Giáo viên hướng dẫn của trường		實習機構輔導教師 Giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập